

Số: 2022 /QĐ-VKS

Sóc Trăng, ngày 24 tháng 12 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc giao dự toán tiền lương, quỹ tiền thưởng của biên chế năm 2025

VIỆN TRƯỞNG VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

Căn cứ Luật Tổ chức Viện kiểm sát nhân dân năm 2014;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước năm 2015 và các văn bản hướng dẫn thực hiện;

Căn cứ Quyết định số 157/QĐ-VKSTC ngày 18/12/2024 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao về việc giao dự toán tiền lương, quỹ tiền thưởng của biên chế năm 2025 trong ngành Kiểm sát nhân dân và ủy quyền phân bổ, giao và điều chỉnh dự toán tiền lương, quỹ tiền thưởng cho các đơn vị theo quy định của pháp luật và quy định của Ngành;

Trên cơ sở dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2025 được giao.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Giao dự toán tiền lương, quỹ tiền thưởng của biên chế năm 2025 cho các đơn vị sử dụng ngân sách trực thuộc Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng (theo phụ lục đính kèm).

Điều 2. Căn cứ dự toán ngân sách nhà nước được giao, Thủ trưởng các đơn vị dự toán trực thuộc Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tổ chức thực hiện theo đúng các quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và hướng dẫn của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

Điều 3. Chánh Văn phòng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng, Thủ trưởng các đơn vị sử dụng ngân sách trong ngành Kiểm sát nhân dân chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- VKSND tối cao. | Bản tổng hợp của các đơn vị trực thuộc tỉnh.
- KBNN tỉnh ST. |
- VKSND các huyện-thị. | Bản chi tiết của từng đơn vị sử dụng ngân sách.
- KBNN nơi giao dịch (gửi qua đơn vị SDNS) |
- Lưu VT, KT.



THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

Lê Nguyễn Trường Sơn

PHỤ LỤC SỐ 01
(Kèm theo phụ lục số 02)

Đơn vị tính: đồng

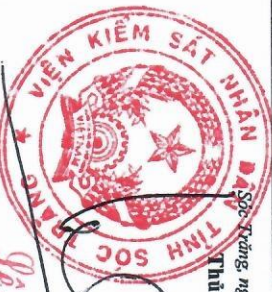
CHI TIẾT THEO CÁC ĐƠN VỊ SỬ DỤNG

NỘI DUNG	TỔNG SỐ	CHI TIẾT THEO CÁC ĐƠN VỊ SỬ DỤNG																	
		Van phòng tỉnh	VKSND huyện Kế Sách	VKSND huyện Máy Tù	VKSND huyện Long Phú	VKSND huyện Thạnh Trị	VKSND huyện Mỹ Xuyên	VKSND thị xã Vinh Châu	VKSND huyện Cù Lạc Dung	VKSND thị xã Ngã Năm	VKSND Thành phố Sóc Trăng	VKSND huyện Châu Thành	VKSND huyện Trần Đề						
I. Tổng số thu, chi nộp ngân sách nhà nước																			
1. Số thu phí, lệ phí																			
- Học phí																			
2. Chi từ nguồn thu phí, lệ phí được miễn																			
- Học phí																			
3. Số phí, lệ phí																			
II. Dự toán chi ngân sách nhà nước	45.269.400.000	17.851.300.000	2.949.300.000	2.061.600.000	2.688.300.000	1.933.500.000	2.318.600.000	2.450.000.000	1.866.600.000	2.655.700.000	3.328.500.000	2.688.100.000	2.477.900.000						
Trong đó: - Kinh phí thực hiện tư chi	43.294.400.000	17.103.000.000	2.835.000.000	1.967.200.000	2.584.200.000	1.842.600.000	2.207.900.000	2.332.000.000	1.780.400.000	2.537.500.000	3.159.700.000	2.577.600.000	2.367.300.000						
- Kinh phí không thực hiện tư chi	1.975.000.000	748.300.000	114.300.000	94.400.000	104.100.000	90.900.000	110.700.000	118.000.000	86.200.000	118.200.000	168.800.000	110.500.000	110.600.000						
1. Giao dự báo tạo dự nghiệp (070-085)	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0						
1.1. Kinh phí thực hiện tư chi																			
Trong đó: Kinh phí TK 10% thực hiện đầu chính tiền lương	0	0																	
1.2. Kinh phí không thực hiện tư chi (070-085)																			
Trong đó: Kinh phí TK 10% thực hiện đầu chính tiền lương	45.269.400.000	17.851.300.000	2.949.300.000	2.061.600.000	2.688.300.000	1.933.500.000	2.318.600.000	2.450.000.000	1.866.600.000	2.655.700.000	3.328.500.000	2.688.100.000	2.477.900.000						
2.1. Kinh phí thực hiện tư chi: - Thường xuyên	43.294.400.000	17.103.000.000	2.835.000.000	1.967.200.000	2.584.200.000	1.842.600.000	2.207.900.000	2.332.000.000	1.780.400.000	2.537.500.000	3.159.700.000	2.577.600.000	2.367.300.000						
- Không thường xuyên																			
Trong đó: KP quỹ tiền lương theo Nghị định 24/2023 của CP																			
2.2. Kinh phí không thực hiện tư chi: - Thường xuyên	1.975.000.000	748.300.000	114.300.000	94.400.000	104.100.000	90.900.000	110.700.000	118.000.000	86.200.000	118.200.000	168.800.000	110.500.000	110.600.000						
- Không thường xuyên																			
Trong đó: Kinh phí TK 10% thực hiện đầu chính tiền lương																			
3. Nghiên cứu khoa học																			
3.1. Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học																			
Trong đó: Kinh phí TK 10% thực hiện đầu chính tiền lương																			
3.2. Kinh phí thường xuyên																			
Trong đó: Kinh phí TK 10% thực hiện đầu chính tiền lương																			
3.2. Kinh phí không thường xuyên																			
Trong đó: Kinh phí TK 10% thực hiện đầu chính tiền lương																			
4.																			
Địa điểm KBNN nơi đơn vị SDNS giao dịch		KBNN tỉnh Sóc Trăng	KBNN huyện Kế Sách - Sóc Trăng	KBNN huyện Máy Tù - Sóc Trăng	KBNN huyện Long Phú - Sóc Trăng	KBNN huyện Thạnh Trị - Sóc Trăng	KBNN huyện Mỹ Xuyên - Sóc Trăng	KBNN thị xã Vĩnh Châu - Sóc Trăng	KBNN huyện Cù Lạc Dung - Sóc Trăng	KBNN thị xã Ngã Năm - Sóc Trăng	KBNN Thành phố Sóc Trăng	KBNN huyện Châu Thành - Sóc Trăng	KBNN huyện Trần Đề - Sóc Trăng						

Kế toán trưởng

(Handwritten signature)

Sóc Trăng, ngày 24 tháng 12 năm 2024
Thủ trưởng đơn vị



Dương Sobí Sobáý Sàng

Đỗ Nguyễn Trường Sơn